

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Giang,
huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070;

Căn cứ Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030;

Căn cứ văn bản tham gia ý kiến của các ngành tại: Văn bản số 8453/SXD-QH ngày 13/11/2022 của Sở xây dựng; Văn bản số 51/SNN&PTNT-KHTC ngày 05/01/2023 của Sở nông nghiệp và PTNT; Văn bản số 101/SGTVT-KHTC ngày 06/01/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoằng Giang huyện Hoằng Hóa đến năm 2030.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 29/TĐ-KTHT ngày 13/02/2023 (Kèm theo Tờ trình của UBND xã Hoằng Giang),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030, gồm những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã Hoằng Phượng huyện Hoằng Hóa;
- Phía Nam giáp xã Thiệu Dương, xã Thiệu Khánh thành phố Thanh Hóa;
- Phía Đông giáp xã Hoằng Hợp huyện Hoằng Hóa;
- Phía Tây giáp xã Thiệu Thịnh huyện Thiệu Hóa.

1.3. Quy mô diện tích lập quy hoạch: 351,47ha

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

2.1. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070; số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoằng Hóa.

- Cụ thể hóa Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoằng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030

2.2. Tính chất, chức năng của xã.

Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Giang là quy hoạch xây dựng nông thôn. Chức năng là trọng điểm về sản xuất nông nghiệp của huyện (lúa, rau an toàn...), phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề (da giày, may mặc...), nông nghiệp an toàn và chất lượng cao, thủy sản, chăn nuôi gia súc.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Quy mô dân số, lao động.

- Dân số hiện trạng: 4.983 người.
- Quy mô dân số dự báo giai đoạn 2020 – 2030, như sau:
 - + Đến năm 2025: khoảng 5.347 người
 - + Đến năm 2030: khoảng 6.050 người
- Quy mô lao động (ước tính 60% – 70% dân số), tương ứng:
 - + Lao động đến năm 2025: 3.208 người.
 - + Lao động đến năm 2030: 4.141 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.2.1. Về sử dụng đất:

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau: Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

- Điểm dân cư nông thôn:
 - + Đất xây dựng nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Đất xây dựng công trình công cộng và dịch vụ: $\geq 5\text{ m}^2/\text{người}$;
 - + Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Đất cây xanh công cộng: $\geq 2\text{ m}^2/\text{người}$;

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước sinh hoạt: 60-80 lít/người/ngày-đêm;
- Cấp điện sinh hoạt: $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}$; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$;
- Nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9kg rác/người/ngày/đêm.

4. Phân khu chức năng.

- Khu trung tâm xã.
- Tổ chức hệ thống công trình công cộng.
- Hệ thống các khu dân cư mới và cải tạo.
- Tổ chức các khu vực sản xuất.
- Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng

5. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã

5.1. Khu trung tâm xã

Khu trung tâm xã hiện nay đã và đang hình thành và xây dựng nằm trên trục đường huyện ĐH-HH.03 tại thôn Hợp Đồng và thôn Trinh Phúc. Giữ nguyên vị trí hiện tại và định hướng cải tạo và nâng cấp khu trung tâm xã. Đây là khu vực tập trung các công trình hành chính, công cộng và dịch vụ chính của toàn xã: Trụ Sở UBND xã, Trạm y tế, Bưu điện xã, Trụ sở công an xã, Trụ sở Trục dân quân cơ động, Trung tâm văn hóa xã, Tượng đài tưởng niệm, Sân vận động xã, Trường THCS, Trường tiểu học, Trường mầm non, các khu dân cư Quy mô phát triển trung tâm xã khoảng 20,0ha.

5.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng

5.2.1. Khu công sở xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Trinh Phúc, với diện tích khuôn viên 0,49ha. Mật độ xây dựng $\leq 40\%$; Diện tích cây xanh $\geq 30\%$; Tầng cao 1-3. (Ký hiệu: CQ-01)

5.2.2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã.

a. Trung tâm văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí nhà văn hóa xã nằm trong khuôn viên công sở xã. Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1-3 tầng

b. Sân vận động xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Trinh Phúc với diện tích 1,12ha. Mở rộng sân với diện tích 0,38ha. Diện tích sau khi mở rộng là 1,50ha (ký hiệu: TDTT- 01)

5.2.3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn.

a. Nhà văn hóa thôn.

- Nhà văn hóa thôn Hợp Đồng

+ Vị trí 1 (NVH thôn 1 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,19ha. Ký hiệu (NVH-01)

+ Vị trí 2 (NVH thôn 2 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,07ha. Ký hiệu (NVH-02)

- Nhà văn hóa thôn Trinh Lộ: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,1ha. Ký hiệu (NVH-03)

- Nhà văn hóa thôn Trinh Thọ

+ Vị trí 1(NVH thôn 5 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,15ha. Ký hiệu (NVH-04)

+ Vị trí 1(NVH thôn 6 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,18ha. Ký hiệu (NVH-05)

- Nhà văn hóa thôn Trinh Phúc: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,25ha. Ký hiệu (NVH-06)

* Mật độ xây dựng các nhà văn hóa là: Mật độ xây dựng $\leq 40\%$, tầng cao: 1-3 tầng

b. Sân thể thao thôn.

Hiện tại các thôn không có sân thể thao riêng, các thôn đang sử dụng chung với diện tích đất của các nhà văn hóa thôn. Cần đầu tư các dụng cụ thể thao đơn giản về các bộ môn như bóng chuyền, cầu lông, xà đơn, xà kép, trang bị các trò chơi thiếu nhi và một số trang thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em và người cao tuổi.

- Cơ cấu công trình sân thể thao:

+ *Sân tập thể thao đơn giản*: $\geq 250 m^2$

+ *Phòng tập đơn giản*: $24m \times 12m$

5.2.4. Công trình y tế: Giữ nguyên vị trí trạm y tế xã tại thôn Trinh Phúc diện tích 0,52ha. Mật độ xây dựng là $\leq 40\%$; Diện tích cây xanh $\geq 45\%$. Tầng cao 1-3 tầng; (Ký hiệu: YT- 01)

5.2.5. Công trình giáo dục.

a. Trường mầm non xã Hoàng Giang: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hợp Đồng với diện tích 0,40ha. Mật độ xây dựng $\leq 40\%$; Diện tích cây xanh $\geq 40\%$. Tầng cao 1-3 tầng (Ký hiệu: GD-01)

b. Trường tiểu học xã Hoàng Giang: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hợp Đồng với diện tích 0,62ha. Mật độ xây dựng $\leq 40\%$; Diện tích cây xanh $\geq 40\%$. Tầng cao 1-3 tầng. (Ký hiệu: GD-02)

c. Trường trung học cơ sở xã Hoàng Giang: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hợp Đồng với diện tích 0,48ha. Mật độ xây dựng $\leq 45\%$; Diện tích cây xanh $\geq 30\%$. Tầng cao 1-3 tầng. (Ký hiệu: GD-03)

5.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Trinh Phúc với diện tích 0,02ha. Mật độ xây dựng trung bình: $\leq 80\%$. Diện tích cây xanh $\geq 10\%$. Tầng cao: 1-3 tầng. (Ký hiệu: BĐ-01).

5.2.7. Đài tưởng niệm: Quy hoạch đài tưởng niệm tại thôn Hợp Đồng với diện tích 0,38ha. Mật độ xây dựng trung bình: 40% . Tầng cao: 1-3 tầng (Ký hiệu CC-01).

5.2.8. Trụ sở công an xã: Quy hoạch diện tích đất trụ sở công an 0,12ha tại thôn Trinh Phúc. Mật độ xây dựng $\leq 45\%$; tầng cao 1-3 tầng (Ký hiệu: QPAN-01).

5.2.9. Nhà trực dân quân cơ động xã: Quy hoạch Nhà trực dân quân cơ

động xã 0,07ha tại thôn Trinh Phúc. Mật độ xây dựng $\leq 45\%$; tầng cao 1-3 tầng (Ký hiệu: QPAN-02).

5.2.10. Chợ Chiêng: Quy hoạch mới Chợ Chiêng tại thôn Trinh Lộc với diện tích 0,50ha. Mật độ xây dựng $\geq 40\%$. Diện tích cây xanh $\geq 10\%$. Tầng cao 1-4 tầng (Ký hiệu: CC-02).

5.2.11. Khu vui chơi giải trí công cộng: Quy hoạch mới khu vui chơi giải trí công cộng thôn Hợp Đồng với diện tích 0,62ha. (Ký hiệu: CX-06).

5.2.12. HTX dịch vụ nông nghiệp: Giữ nguyên trụ sở HTX dịch vụ nông nghiệp vị trí hiện tại thôn Hợp Đồng diện tích 0,2ha. Mật độ xây dựng: 60%, tầng cao: 1-4 tầng (Ký hiệu: HTX-01).

5.2.13. Công trình tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền

- Đền thờ Mẫu: Giữ nguyên hiện trạng thôn Trinh Thọ diện tích 0,02ha. Mật độ xây dựng: 40%, tầng cao: 1-3 tầng (Ký hiệu: DT-01).

- Đền thờ Đức Ông: Giữ nguyên hiện trạng thôn Trinh Thọ diện tích 0,06ha. Mật độ xây dựng: 40%, tầng cao: 1-3 tầng (Ký hiệu: DT-02).

- Quy hoạch Đình Cao Sơn thôn Trinh Phúc với diện tích 0,09ha. Mật độ xây dựng: 40%, tầng cao: 1-3 tầng. (Ký hiệu: DT-03).

- Khu di tích lịch sử đền thờ Tướng Quân Cao Lỗ: Giữ nguyên vị trí hiện tại thôn Hợp Đồng diện tích khuôn viên 0,11ha. Mật độ xây dựng: 40%, tầng cao: 1-3 tầng. (Ký hiệu: DT-04; DT-05)

- Đền thờ Cao Bá Điển: Giữ nguyên vị trí hiện tại thôn Trinh Thọ với diện tích 0,39ha. Mật độ xây dựng: 40%, tầng cao: 1-3 tầng (Ký hiệu: DT-06)

- Phủ Chiêng: Quy hoạch Phủ Chiêng khu vực Cây Bàng thôn Trinh Phúc với diện tích 0,05ha. Mật độ xây dựng: 40%, tầng cao: 1-3 tầng (Ký hiệu: DT-07)

5.3. Định hướng tổ chức quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 4 thôn: thôn Hợp Đồng, thôn Trinh Phúc, thôn Trinh Thọ, thôn Trinh Lộc. Cải tạo, chỉnh trang, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm với diện tích 37,97ha (Ký hiệu: DCHT-01 đến DCHT-62).

- Bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới đến năm 2030 với diện tích 8,02ha (Ký hiệu: DCM-01 đến DCM-10).

5.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất

5.4.1 Khu sản xuất nông nghiệp.

a. Ngành trồng trọt:

a.1. Cây lúa

Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (*cánh đồng mẫu lớn*).

Đến năm 2030, diện tích trồng lúa năng suất chất lượng cao tập trung khu vực Thần Ngừa, Cây Thị, Bình Diệu, Cồn Xanh thôn Trinh Thọ với diện tích 63,0ha. Khu vực Cồn Chòi, Đồng Nỗ, Mầu Mè, Cửa Đình thôn Trinh Phúc, Trinh Lộc với diện tích 35,0ha

a.2. Vùng rau an toàn

Xây dựng, định hướng vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP Diện tích tập trung ở khu vực Chăn Nuôi, Thần Ngừa thôn Trinh Thọ với diện tích 20,0ha; Khu vực Cồn Dưa, Cồn Đàn thôn Hợp Đồng với diện tích 5,0ha

a.3. Cây lâu năm

Tập trung chuyển đổi những diện tích gieo cấy lúa năng suất thấp sang trồng những loại cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế cao. Quy hoạch khu vực trồng cây lâu năm ở khu vực Hồ Ông Quảng thôn Hợp Đồng với diện tích 0,50ha. Ký hiệu (CLN-01)

b. Ngành chăn nuôi

Để phát huy thế mạnh của xã và tăng thu nhập cho người dân, trong thời gian tới xã đầu tư khuyến khích các hộ gia đình hình thành và phát triển các mô hình trang trại

c. Ngành thủy sản: Phân chia xây dựng ao hồ, đầm nuôi thả theo tiêu chuẩn kỹ thuật với diện tích phù hợp trên cơ sở hoàn thiện hệ thống, kênh mương sẵn có, dần hình thành trang trại chuyên nuôi trồng thủy sản, khuyến khích phát triển nuôi trồng những loại thủy sản đặc sản, có năng suất và giá trị kinh tế cao

5.4.2. Khu vực xây dựng chức năng khác

- Quy hoạch khu dịch vụ thương mại tại khu vực Mã Gia thôn Trinh Phúc, Trinh Lộc với diện tích 2,0ha (Ký hiệu: TM-01). Mật độ xây dựng: 60%, tầng cao: 1-4 tầng

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn thôn Hợp Đồng với diện tích 0,5ha. Mật độ xây dựng: 60%, tầng cao: 1-3 tầng (Ký hiệu: HTPT-01).

5.4.3. Khu sản xuất vật liệu xây dựng

Hiện tại đã hình thành và phát triển khu tập kết vật liệu xây dựng Thủ Xứ thuộc thôn Trinh Phúc với diện tích 0,45ha. Ký hiệu (CAT-01)

6. Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hoằng Hóa và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

Bảng 1: Công trình, dự án sử dụng đất đến năm 2030

TT	Tên công trình, dự án	Vị trí		Diện tích quy hoạch (ha)
		Xứ Đàng	Thôn	
1	Đất ở			9,60
-	Điểm dân cư nông thôn	Cồn Đàn, Đàng Bung, Cồn Dừa	Hợp Đàng	4,16
-	Điểm dân cư nông thôn	Đàng Bung	Hợp Đàng	1,24
-	Điểm dân cư nông thôn	giáp NVH thôn 2 cũ	Hợp Đàng	0,11
-	Điểm dân cư nông thôn	Cồn Dừa	Trinh Lộc, Hợp Đàng	1,25
-	Điểm dân cư nông thôn	Hồ Chăn nuôi	Trinh Lộc, Trinh Thọ	0,37
-	Điểm dân cư nông thôn	Cây Bàng	Trinh Phúc	0,37
-	Điểm dân cư nông thôn	Cồn Mều	Trinh Lộc	0,25
-	Điểm dân cư nông thôn	Tham Dú	Trinh Thọ	1,77
-	Điểm xen cư nông thôn	Giáp NVH thôn 6 cũ	Trinh Thọ	0,08
2	Đất quốc phòng, an ninh			0,19
-	Quy hoạch nhà trực dân quân cơ động xã	Phía Đông SVD xã	Trinh Phúc	0,07
-	Quy hoạch Trụ sở công an xã	Phía Đông SVD xã	Trinh Phúc	0,12
3	Đất cây xanh, thể dục thể thao			3,95
3.1	Đất cây xanh, khu vui chơi, giải trí công cộng			3,57
-	QH khu vui chơi giải trí công cộng		Hợp Đàng	0,62
-	Đất cây xanh thôn Trinh Phúc vị trí 1		Trinh Phúc	0,72
-	Đất cây xanh thôn Trinh Phúc vị trí 2		Trinh Phúc	0,73
-	Đất cây xanh thôn Hợp Đàng vị trí 1		Hợp Đàng	0,80
-	Đất cây xanh thôn Hợp Đàng vị trí 2		Hợp Đàng	0,20
-	Đất cây xanh thôn Trinh Lộc		Trinh Lộc	0,50
3.2	Đất thể thao			0,38
-	Mở rộng sân vận động xã		Trinh Phúc	0,38
4	Đất công cộng			0,88
-	Quy hoạch Chợ Chiêng	Cồn Ông Bộ	Trinh Lộc	0,50
-	Quy hoạch Đài tưởng niệm liệt sỹ		Hợp Đàng	0,38
5	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền			0,14
5.1	Đất di tích, đình đền			0,14
-	Quy hoạch Đình Cao Sơn	Từ đất chợ	Trinh Phúc	0,09
-	Quy hoạch di tích Phủ Chiêng	Cây Bàng	Trinh Phúc	0,05
6	Đất xây dựng chức năng khác			2,50
-	Quy hoạch khu thương mại, dịch vụ	Mã Gia	Trinh Phúc, Trinh Lộc	2,00
-	QH khu chức năng DV hỗ trợ PTKT nông thôn		Hợp Đàng	0,50
7	Đất hạ tầng kỹ thuật			9,07
7.1	Đất giao thông			8,87
-	Quy hoạch bến thủy nội địa	Bãi Cát	Trinh Phúc	0,05
-	Đường từ giáp Hoàng Hợp đi Phú Giang			1,50
-	Đường đền thờ Cao Bá Diển đi Phú Giang			1,00
-	Đường vành đai 3			4,62
-	Đường sắt cao tốc Bắc-Nam			1,50
-	Quy hoạch bãi đỗ xe công cộng	Đàng SVD xã	Trinh Phúc	0,20

TT	Tên công trình, dự án	Vị trí		Diện tích quy hoạch (ha)
		Xứ Đồng	Thôn	
7.2	Đất hạ tầng kỹ thuật khác			0,20
-	Quy hoạch Trạm xử lý nước thải tập trung	Cồn xanh	Trinh Thọ	0,20
8	Đất sản xuất nông nghiệp			0,50
-	Quy hoạch khu trồng cây lâu năm			0,50
		Tổng		26,83

Bảng 2: Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

STT	Mục đích sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	216,88	59,60	206,94	56,87	190,58	52,37
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	211,79	58,20	201,85	55,47	185,49	50,97
1.2	Đất lâm nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	4,03	1,11	4,03	1,11	4,03	1,11
1.4	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	1,06	0,29	1,06	0,29	1,06	0,29
2	Đất xây dựng	84,29	23,16	94,23	25,89	110,59	30,39
2.1	Đất ở	37,5	10,31	40,26	11,06	47,10	12,94
2.2	Đất công cộng	3,29	0,90	4,14	1,14	4,14	1,14
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,04	0,29	2,04	0,56	4,99	1,37
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,80	0,22	0,94	0,26	0,94	0,26
2.5	Đất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp và làng nghề	0,21	0,06	0,21	0,06	0,21	0,06
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,45	0,12	0,45	0,12	0,45	0,12
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,35	0,10	2,85	0,78	2,85	0,78
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	28,56	7,85	31,06	8,54	37,63	10,34
2.8.1	Đất giao thông	24,79	6,81	27,29	7,50	33,66	9,25
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,33	0,09	0,33	0,09	0,33	0,09
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3,40	0,93	3,40	0,93	3,40	0,93
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,04	0,01	0,04	0,01	0,24	0,06
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	12,09	3,32	12,09	3,32	12,09	3,32
2.10	Đất quốc phòng, an ninh			0,19	0,05	0,19	0,05
3	Đất khác	62,73	17,24	62,73	17,24	62,73	17,24
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	60,90	16,74	60,90	16,74	60,90	16,74
3.2	Đất chưa sử dụng	1,83	0,50	1,83	0,50	1,83	0,50

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu môi.

7.1. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

7.1.1. Hệ thống giao thông:

Hệ thống giao thông xã được chia 02 hệ thống: Giao thông đối ngoại và giao thông đối nội. Cụ thể:

a. Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường sắt cao tốc Bắc – Nam qua xã với chiều dài 0,5km.

- *Đường Tỉnh lộ:*

+ Quy hoạch mới đường Vành đai 3 qua xã với chiều dài 1,9km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường: 12,0m; Hành lang giao thông: 15,0mx2; Lộ giới: 42,0m

- *Đường huyện:*

+ Nâng cấp, cải tạo đường Phú Giang qua xã với chiều dài 1,6km; đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường: 8,0mx2; Hè đường: 5,0mx2; Phân cách giữa giữa: 2,0m. Lộ giới: 28,0m.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến Hoằng Kim- Hoằng Giang- Hoằng Hợp. Ký hiệu (ĐH-HH.03) qua xã với chiều dài 2,5km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường: 7,5m; Hành lang giao thông: 10,0mx2; Lộ giới: 27,5m. Đoạn qua khu dân cư với mặt cắt: Lòng đường 7,5m x 1; Lề đường 1,5m x 2; Lộ giới 10,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến Hoằng Quỳnh- Hoằng Hợp - Hoằng Giang. Ký hiệu (ĐH-HH.11) qua xã với chiều dài 1,4km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường: 7,5m; Hành lang giao thông: 10,0mx2; Lộ giới: 27,5m. Đoạn qua khu dân cư với mặt cắt: Lòng đường 7,5m x 1; Lề đường 1,5m x 2; Lộ giới 10,5m.

+ Quy hoạch mới tuyến Hoằng Xuân- Hoằng Hợp- Hoằng Cát (dọc bờ Kênh Nam) với chiều dài 0,7km. đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường: 8,0mx2; Hè đường: 3,0mx1 và 5,0mx1; Phân cách giữa: 2,0m. Lộ giới: 26,0m

b. Hệ thống giao thông đối nội:

- *Đường trục xã, liên xã:*

+ Quy hoạch mới tuyến đường từ đền thờ Cao Bá Diên đi đường Phú Giang. Ký hiệu (ĐTX-HG.02) chiều dài 0,6km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường: 7,5m; Hành lang giao thông: 5,0mx2; Lộ giới: 17,5m.

+ Quy hoạch mới tuyến đường từ đường Phú Giang đi đê sông Mã. Ký hiệu (ĐTX-HG.05) chiều dài 0,7km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường: 7,5m; Hành lang giao thông: 5,0mx2; Lộ giới: 17,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo 03 tuyến với tổng chiều dài: 2,1km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI (Ký hiệu ĐTX-HG.01; ĐTX-HG.03; ĐTX-HG.04). Lòng đường: 7,5m; Vĩa hè: 5,0mx2; Lộ giới: 17,5m.

- *Tuyến đường trục thôn, liên thôn*: Gồm 15 tuyến, với tổng chiều dài 5,5km.
 + Nâng cấp, cải tạo 03 tuyến (Ký hiệu: ĐTT-HG.01; ĐTT-HG.11; ĐTT-HG.12) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp VI. Lòng đường: 7,5m; Vía hè: 5,0mx2; Lộ giới: 17,5m.

+ Nâng cấp cải tạo tại 05 tuyến (Ký hiệu: ĐTT-HG.05; ĐTT-HG.06; ĐTT-HG.08 đến ĐTT-HG.10) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp A. Mặt đường: 7,5m; Lề gia cố: 1,5m x2; Lộ giới: 10,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo 07 tuyến (Ký hiệu: ĐTT-HG.02÷ĐTT-HG.04; ĐTT-HG.07; ĐTT-HG.13÷ĐTT-HG.15) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp A. Mặt đường: 3,5m; Lề gia cố: 1,5m x2; Lộ giới: 6,5m.

- *Tuyến đường ngõ xóm*: Nâng cấp, cải tạo gồm 11 tuyến với tổng chiều dài 1,7km (Ký hiệu ĐNX-HG.01 đến ĐNX-TG.11) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp B. Mặt đường: 3,5m; Lề gia cố: 0,75mx2; Lộ giới: 5,0m.

7.1.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

- Cao độ các khu vực dân cư hiện trạng được giữ nguyên, các khu dân cư mới, cốt nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng, và lấy cos đường Phú Giang (cos: +3,9 ÷ +4,05) làm cos không chế để làm nền cho các khu XD mới; khi thiết kế nâng cốt nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng. Đối với các khu nông nghiệp sản xuất, giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tuân thủ quy hoạch được duyệt đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

- Thoát nước mặt: Tổng thể toàn xã được chia làm 02 tiểu vùng tiêu úng:

+ Tiểu vùng 1: Gồm diện tích thôn Hợp Đồng, nước được đổ vào kênh Giang Quý sau đó thoát ra kênh Nam

+ Tiểu vùng 2: Khu vực thôn Trinh Lộc, Trinh Phúc, Trinh Thọ thoát ra kênh Kênh Giang Hợp.

7.1.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước.

a. Nhu cầu cấp nước

- Nước cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: nước dùng trong sinh hoạt, ăn uống cho người dân; nước dùng cho các công trình phục vụ công cộng như: Trường học, y tế, nhà văn hóa, trụ sở các cơ quan; nước dùng cho trang trại chăn nuôi, gia súc, gia cầm; nước dùng cho các cơ sở sản xuất chế biến nông sản và các công nghiệp khác.

- Nhu cầu cấp nước đến năm 2025 là 601m³/ngày đêm. Đến năm 2030 là 680m³/ngày đêm

b. Nguồn nước và mạng lưới đường ống.

- Nguồn nước sạch: Được lấy từ Nhà máy nước Hoàng Xuân đến các hộ gia đình, công suất 6.500(m³/ngdem)

- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn (D300 đến D500) và các tuyến phân phối (D100 đến D200) từ nhà máy nước Hoàng Xuân chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch trong khu vực đảm bảo cấp nước cho xã theo định hướng hoạch chuyên ngành cấp nước đã được phê duyệt.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hoả đấu nối với đường ống cấp nước có đường kính \geq D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hoả khoảng 100-150m.

c. Cấp nước:

- Năm 2020 trên địa bàn xã đã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước Hoàng Xuân công suất 6.500(m³/ngdem) được 82% tổng số hộ.

- Năm 2030 trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước Hoàng Xuân công suất 6.500(m³/ngdem) được 100% tổng số hộ.

7.1.4. Hệ thống cấp điện

a. Nhu cầu điện

- Điện cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: Điện dùng trong sinh hoạt ;Điện dùng cho các công trình phục vụ công cộng; Điện dùng trong sản xuất

- Nhu cầu cấp điện toàn xã đến năm 2025 là 1.448KVA. Đến năm 2030 là 1.602 KVA.

b. Cấp điện

- Nguồn điện: Trạm 110KV Hoàng Hóa, thông qua đường dây trung áp 10KV và 22KV cấp cho xã.

- Đường dây điện: Duy trì đi nổi theo cột điện, cải tạo và nâng cấp tuyến đường dây

+ Đường dây hạ thế 0,4KV với chiều dài 20,5m

+ Đường dây trung thế 10KV và 22KV với chiều dài 5,0km

- Trạm điện: Giữ nguyên 5 trạm biến áp tại các vị trí hiện tại với tổng công suất 1.220KVA và các tuyến đường dây tải điện hiện có. Giữ nguyên công suất TBA số 4 (thôn Trinh Thọ) 400KVA; Nâng cấp công suất các trạm biến áp sau: TBA số 2 (thôn Trinh Phúc); TBA số 3 (thôn Trinh Lộc); TBA số 5 (thôn Hợp Đồng) lên 320KVA; TBA số 1 (thôn Hợp Đồng) lên 250KVA. Tổng công suất các trạm sau khi nâng cấp là 1.610KVA đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

7.1.5. Hạ tầng viễn thông thụ động

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 4 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnam mobile. Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

- + Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;
- + Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;
- + Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;
- + Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

7.1.6. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a. Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung khu vực Cồn Xanh thôn Trinh Thọ với diện tích 0,20ha. (Ký hiệu: XLNT-01)

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

b. Hệ thống rác thải, chất thải

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt đến năm 2025: 4.728 kg/ngđ; đến năm 2030 khoảng: 6.050kg/ngđ

- Hiện tại rác thải, chất thải sinh hoạt của xã đang được thu gom, tập kết tại khu vực Bãi Sông với diện tích 0,60ha (Ký hiệu: RAC-01)

- Theo Điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 08/9/2016. Cụ thể như sau:

+ Rác thải nông nghiệp: Rác thải từ các trang trại chăn nuôi tập trung được tái chế tại chỗ làm phân hữu cơ, làm Bioga sử dụng thắp sáng, đun nấu,...

+ Rác thải sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt của xã Hoàng Giang được thu gom và vận chuyển đến nhà máy xử lý rác thải tập trung tại xã Hoàng Xuân quy mô 1,0ha, công suất xử lý 28(T/ngđem)

+ Rác thải y tế: Được thu gom và vận chuyển xử lý tại bệnh viện Đa Khoa Hậu Lộc

c. Quy hoạch nghĩa trang

- Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

- Trong giai đoạn ngắn hạn: Từng bước khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, đảm bảo VSMT, di chuyển về nghĩa trang cấp xã. Đóng cửa nghĩa trang Cồn Cát thôn Hợp Đồng diện tích 0,65ha. (Ký hiệu: NT-01)

- Trong giai đoạn đến năm 2030:

+ Nghĩa địa Mã Gia: Giữ nguyên vị trí thôn Trinh Phúc, Trinh Lộc diện tích 0,80ha (Ký hiệu: NT-02)

+ Nghĩa địa Cồn Xanh: Giữ nguyên vị trí thôn Trinh Thọ diện tích 0,38ha; (Ký hiệu: : NT-03)

7.2. Công trình hạ tầng phục vụ sản xuất

a) Hệ thống giao thông nội đồng:

- Cơ bản giữ nguyên mạng lưới hệ thống giao thông nội đồng hiện có. Mở rộng nền đường và nâng cấp mặt đường 5,3 km các tuyến trục chính nội đồng đảm bảo đi lại và vận chuyển hàng hoá thuận tiện, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao

- Tuyến đường nội đồng: gồm 7 tuyến (Ký hiệu: ĐNĐ-HG.01 đến ĐNĐ-HG.07) với tổng chiều dài 5,0km. Mặt đường: 4,0m; Lộ giới: 5,0m.

b) Hệ thống thủy lợi:

- Quy hoạch chỉnh trang nạo vét, đắp bờ, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương nội đồng:

+ Nâng cấp tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính do huyện quản lý: với tổng chiều dài 4,4km

+ Nâng cấp kênh do xã quản lý với chiều dài: 5,8km.

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.

8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông;

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi;

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp điện;

- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng.

8.2. Các dự án hạ tầng xã hội

- Dự án xây dựng mới các công trình di tích, công trình tín ngưỡng .

- Dự án mở rộng sân vận động xã.

- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Công an xã, Ban chỉ huy; quân sự; Chợ

- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn

8.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

9. Tiến độ và giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã.

9.1. Tiến độ thực hiện.

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025

- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030.

9.2. Giải pháp tổ chức thực hiện

- UBND xã Hoàng Giang

+ Tổ chức công bố công khai đề án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các tổ chức, cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát thực hiện.

+ Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành.

+ Cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, xây dựng trên địa bàn xã.

+ Xây dựng kế hoạch cắm mốc chỉ giới quản lý các công trình hạ tầng thuộc địa phương để quản lý đúng quy hoạch phục vụ phát triển.

+ Vận động, tuyên truyền trong nhân dân thông hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hóa để đạt tiêu chí nông thôn mới.

+ Thường xuyên rà soát và báo cáo UBND huyện (Phòng kinh tế và hạ tầng) về tiến độ, khối lượng và các vướng mắc nếu có trong công tác thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã theo năm.

- Các phòng, ban, ngành huyện và đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Giang tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng kinh tế và hạ tầng, phòng Tài nguyên Môi trường, phòng Tài Chính - Kế hoạch, Phòng NN&PTNT, thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và UBND xã Hoàng Giang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 2QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (B/c);
- Phòng KT&HT, TN&MT, NN&PTNT;
- UBND xã Hoàng Giang;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải